



# TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

## THÔNG BÁO

**Điểm chuẩn trúng tuyển đại học chính quy năm 2026**

Hội đồng tuyển sinh - Trường Đại học Sao Đỏ công bố điểm chuẩn trúng tuyển đại học chính quy năm 2026.

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

### I. ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN

| TT | Mã ngành | Tên ngành                           | Theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT 2026 | Theo kết quả hợp điểm thi THPT và học bạ THPT | Theo kết quả điểm học tập cấp THPT | Theo kết quả điểm đánh giá ĐGNL của ĐHQGHN | Theo kết quả điểm ĐGTD của ĐHBK HN |
|----|----------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|
| 1  | 7510205  | Công nghệ kỹ thuật ô tô             | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 2  | 7510301  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử    | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 3  | 7480201  | Công nghệ thông tin                 | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 4  | 7510201  | Công nghệ kỹ thuật cơ khí           | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 5  | 7540204  | Công nghệ dệt, may                  | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 6  | 7520216  | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 7  | 7520114  | Kỹ thuật cơ điện tử                 | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 8  | 7480107  | Tri tuệ nhân tạo                    | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 9  | 7460112  | Toán ứng dụng                       | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 10 | 7340301  | Kế toán                             | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 11 | 7340101  | Quản trị kinh doanh                 | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 12 | 7310109  | Kinh tế số                          | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 13 | 7510605  | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 14 | 7340122  | Thương mại điện tử                  | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 15 | 7340201  | Tài chính - Ngân hàng               | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 16 | 7810103  | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 17 | 7220201  | Ngôn ngữ Anh                        | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 18 | 7220204  | Ngôn ngữ Trung Quốc                 | 15,00                                      | 17,00                                         | 18,00                              | 54,00                                      | 38,92                              |
| 19 | 7380101  | Luật                                | 20,00                                      | 20,50                                         | 21,00                              | 69,00                                      | 46,66                              |
| 20 | 7140234  | Sư phạm Tiếng Trung Quốc            | 26,18                                      | 26,94                                         | 27,71                              | 102,00                                     | 62,57                              |
| 21 | 7140246  | Sư phạm công nghệ                   | 23,50                                      | 24,80                                         | 26,10                              | 84,00                                      | 53,68                              |

Thí sinh tra cứu danh sách trúng tuyển tại website: <http://trungtuyen.saodo.edu.vn>

### II. GIẤY BÁO NHẬP HỌC

Được Nhà trường gửi trực tuyến đến thí sinh qua Zalo; Gmail (thí sinh kiểm tra Zalo; Gmail cá nhân để nhận giấy báo nhập học trực tuyến), đồng thời Nhà trường gửi trực tiếp qua đường bưu điện theo địa chỉ do thí sinh cung cấp khi đăng ký xét tuyển.

Nếu thí sinh chưa nhận giấy báo nhập học bản cứng (gốc) qua đường bưu điện thì sẽ nhận trực tiếp khi nhập học.

### III. THỜI GIAN NHẬP HỌC

07h30-17h00, Chủ nhật ngày 16/8/2026.

### IV. ĐỊA ĐIỂM NHẬP HỌC

Hội trường đa năng, Trường Đại học Sao Đỏ  
Số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An,  
thành phố Hải Phòng.

Vị trí nhà trường:



ĐIỆN THOẠI HỖ TRỢ: 0862 15 05 69 – 0838 15 05 69 – 0981 116 388

